

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 12 năm 2017; Căn cứ vào văn bản trình bày ý kiến của bà Tăng Thu T, bà Tăng Thu D, ông Nguyễn Trọng L cùng ngày 02/7/2018,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Do các đương sự tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên các đương sự phải chịu án phí là 50% trên phần tài sản được nhận theo khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đối với phần đất các đương sự không yêu cầu phân chia, di sản dùng để thờ cúng, các đương sự không phải chịu án phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Tăng Quốc H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 199, Ngõ Q, khóm 1, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bà Tăng Thúy P, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 16/18A Quang T, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Ông Tăng Kim K, sinh năm 1964

- Ông Tăng Chí H1, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Số 16/18 Quang T, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà P, ông K, ông H1 là ông Trần Quốc T, sinh năm 1966, địa chỉ: Số 233/1, Nguyễn D, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

- Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1961

- Bà Tăng Bích H, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tăng Thu D, sinh năm 1950 ; Địa chỉ: Số 16/20 Quang T, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bà Tăng Thu T, sinh năm 1966 ; Địa chỉ: Số 16/18 Quang T, khóm 2, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Ủy ban nhân dân huyện C; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Thống nhất phân chia phần đất tranh chấp theo di chúc ngày 25/6/2003, theo sơ đồ đo vẽ (bản vẽ tay) ngày 11/6/2018 và bản trích đo hiện trạng ngày 06/9/2017 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, cụ thể:

+ Bà Tăng Bích H được nhận phần đất diện tích là 9.000m².

+ Bà Tăng Thúy P được nhận phần đất diện tích là 6.500m² (trong đó có phần đất trong di chúc diện tích 2,5 công của bà Đỗ Thị Bảy để dưỡng già thống nhất giao lại cho bà P quản lý, sử dụng).

+ Ông Tăng Quốc H được nhận phần đất diện tích là 2.000m².

+ Bà Tăng Thu T được nhận phần đất diện tích là 2.000m². Bà Tăng Thu T thống nhất giao phần đất bà được nhận là 2.000m² cho ông Trịnh Văn Đ và bà Tăng Bích H.

+ Bà Tăng Thu D được nhận phần đất diện tích là 2.000m².

+ Ông Tăng Chí H1 được nhận phần đất diện tích là 5.000m². Ông Tăng Chí H1 thống nhất giao phần đất của ông H1 được nhận là 5.000m² cho ông Trịnh Văn Đ và bà Tăng Bích H.

- Phần đất hương hỏa thống nhất giao cho bà Tăng Bích P quản lý, sử dụng để thờ cúng diện tích 3.000m². Trường hợp bà P không khai thác, sử dụng phần đất hương hỏa thì các đồng thừa kế sẽ giao lại cho người khác quản lý, sử dụng.

- Giao cho ông Nguyễn Trọng L quản lý, sử dụng phần đất diện tích 4.000m² (đất hương hỏa, thờ cúng). Phần đất này không nằm trong bản trích đo hiện trạng ngày 06/9/2017 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

- Thống nhất trường hợp diện tích đất của người được nhận đo đạc trên thực tế không đủ thì sẽ lấy diện tích phần đất 1.038m² (đánh số 3, bản vẽ ngày 11/6/2018) và 4.338,87m² (đánh số 2, bản vẽ ngày 11/6/2018) bù vào cho đủ phần đất của người được nhận, còn lại dùng để sử dụng chung (không tính phần đất giao cho ông Nguyễn Trọng L để thờ cúng).

- Thống nhất phần đất diện tích 2.789,55m² theo bản vẽ ngày 11/6/2018 là kinh thoát nước dùng để sử dụng chung, không phân chia.

- Thống nhất giá đất 01 công = 1.000m^2 là 26.000.000 đồng.
- Các nội dung còn lại trong di chúc không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Các đương sự thống nhất chịu án phí trên phần diện tích đất được nhận theo quy định, ông Đ và bà H thống nhất chịu án phí đối với phần đất của ông Tăng Chí H1, bà Tăng Thu T giao lại.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định cụ thể:
 - + Bà Tăng Bích H phải nộp án phí đối với diện tích phần đất được nhận là: $5.850.000$ đồng $((9.000\text{m}^2 \times 26.000.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 \times 5\%)/2)$.
 - + Bà Tăng Bích H và ông Trịnh Văn Đ phải nộp án phí đối với diện tích phần đất ông Tăng Chí H1 và bà Tăng Thu T giao lại là $4.550.000$ đồng $((2.000\text{m}^2 + 5.000\text{m}^2) \times 26.000.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 \times 5\%)/2)$.
 - + Bà Tăng Bích P phải nộp án phí đối với diện tích phần đất được nhận là: $4.225.000$ đồng $((6.500\text{m}^2 \times 26.000.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 \times 5\%)/2)$.
 - + Ông Tăng Quốc H phải nộp án phí đối với diện tích phần đất được nhận là: $1.300.000$ đồng $((2.000\text{m}^2 \times 26.000.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 \times 5\%)/2)$.
 - + Bà Tăng Thu D phải nộp án phí đối với diện tích phần đất được nhận là: $1.300.000$ đồng $((2.000\text{m}^2 \times 26.000.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 \times 5\%)/2)$.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà